

PHƯƠNG AN BÔI THƯỜNG VỀ ĐẤT Ô LẠN 1 (DỰ THẢO)
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN LẠNG THÁI BÌNH
XÂY DỰNG NHÀ ĐIỆN: XÃ DÔNG THÁI BÌNH, TỈNH HƯNG YÊN

Sr	Chu sự dụng đất	Thửa đất số	Danh sách nghiệm thu	Nghĩa vụ tài chính*	Giá đất theo bảng giá đất	Giá đất cụ thể TÍNH TIỀN BHYT	Giá đất tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất	Diện tích đất ở công nhận theo QĐ30	Số tiền bht khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	Diện tích đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo số tiền đã nộp	Diện tích chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ % phải nộp khi công nhận đất ở theo nghị định 103	số tiền phải nộp khi được công nhận là đất ở	Số tiền BHYT GPMB được hưởng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	$10 = 9 * 7$	11	12	13	$14 = 6 * 12 * 13$	$15 = 10 - 14$	16
1	Hoàng Văn Nhân	235	DS nghiệm thu năm 2003		2.700.000	4.846.000	30.000	200	969.200.000	0	200	20,0%	108.000.000	<u>861.200.000</u>	
2	Nguyễn Đình Nhung	159	DS nghiệm thu năm 2001		2.700.000	4.604.000	20.000	200	920.800.000	0	200	20,0%	108.000.000	<u>812.800.000</u>	
3	Nguyễn Văn Mạnh	156	DS nghiệm thu năm 2003		2.700.000	4.846.000	30.000	200	969.200.000	0	200	20,0%	108.000.000	<u>861.200.000</u>	
4	Đinh Ngọc Sơn	155	DS nghiệm thu năm 2003		2.700.000	4.846.000	30.000	200	969.200.000	0	200	20,0%	108.000.000	<u>861.200.000</u>	
5	Đào Văn Hiền	154	DS nghiệm thu năm 2001		2.700.000	4.604.000	20.000	200	920.800.000	0	200	20,0%	108.000.000	<u>812.800.000</u>	
6	Lưu Đức Văn	114	DS nghiệm thu năm 2003	Phiếu thu ngày 21/01/2004 số tiền 1.500.000 đồng	2.700.000	4.846.000	30.000	200	969.200.000	50	150	20,0%	81.000.000	<u>888.200.000</u>	
7	Nguyễn Xuân Trường	110	DS nghiệm thu năm 2003	Phiếu thu 12/01/2004 số tiền 1.500.000 đồng	2.700.000	4.846.000	30.000	200	969.200.000	50	150	20,0%	81.000.000	<u>888.200.000</u>	
8	Phạm Văn Võ	109	DS nghiệm thu năm 2001		2.700.000	4.846.000	20.000	200	969.200.000	0	200	20,0%	108.000.000	<u>861.200.000</u>	

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ ĐIỆN DÔNG THÁI BÌNH

Stt	Chủ sử dụng đất	Thửa đất số	Danh sách nghiệm thu	Nghĩa vụ tài chính	Giá đất theo bảng giá đất	Giá đất cụ thể TÍNH TIỀN BTTTT	Giá đất tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất	Diện tích đất ở công nhận theo QĐ30	Số tiền bttbt khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	Diện tích đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo số tiền đã nộp	Diện tích chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ % phải nộp khi công nhận đất ở theo nghị định 103	Số tiền phải nộp khi được công nhận là đất ở	Số tiền BTHTCGPMB được hưởng	Ghi chú
9	Nguyễn Văn Xanh	108	DS nghiệm thu năm 2001		2.700.000	4.846.000	20.000	200	969.200.000	0	200	20,0%	108.000.000	<u>861.200.000</u>	
10	Ngô Thị Xa (vợ) đại diện ông Bùi Văn Thắm (đã chết)	61	DS nghiệm thu năm 2001	Phiếu thu ngày 01/7/1997 tiền nộp 300.000 đồng	2.700.000	4.604.000	4.000	200	920.800.000	75	125	20,0%	67.500.000	<u>853.300.000</u>	
11	Phạm Văn Đài	105	DS nghiệm thu năm 1996	Phiếu thu số 31 ngày 10/12/1996 số tiền 1.000.000 đồng + phiếu thu số 31 ngày 08/01/1997 số tiền 400.000 đồng	2.700.000	4.846.000	4.000	200	969.200.000	200	0	20,0%	0	<u>969.200.000</u>	
12	Ngô Văn Nhân (con) đại diện ông Ngô Văn Toàn (đã chết)	104	DS nghiệm thu năm 2002	Danh sách bảng kê chứng từ ngày 27/4/2003 số 11 tiền nộp 1.500.000 đồng	2.700.000	4.846.000	30.000	200	969.200.000	50	150	20,0%	81.000.000	<u>888.200.000</u>	
13	Trần Thị Dệp (vợ) đại diện ông Nguyễn Thu Dương (đã chết)	103	DS nghiệm thu năm 1996	Phiếu thu số 32 ngày 10/12/1996 số tiền 1.000.000 đồng + phiếu thu số 30 ngày 08/01/1997 số tiền 700.000 đồng	2.700.000	4.846.000	4.000	200	969.200.000	200	0	20,0%	0	<u>969.200.000</u>	
14	Phạm Thị Tâm (vợ) đại diện ông Trịnh Xuân Thương (đã chết)	102	DS nghiệm thu năm 2004	Phiếu thu ngày 26/01/2005 số tiền 1.500.000 đồng	2.700.000	4.846.000	70.000	200	969.200.000	21,4	178,6	70,0%	337.500.000	<u>631.700.000</u>	
15	Phạm Ngọc Toán	62	DS nghiệm thu năm 2002	Phiếu thu ngày 04/01/1999 tiền nộp 1.200.00 đồng+ DS chứng từ số 16 ngày 27/4/2003 số tiền 300.000 đồng	2.700.000	4.846.000	20.000 30.000	200	969.200.000	70	130	20,0%	70.200.000	<u>899.000.000</u>	
Tổng														<u>12.918.600.000</u>	